

# THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồng Văn Thái<sup>1,2\*</sup> và Phạm Minh Giản<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Tiểu học Tân Quý Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

<sup>3</sup>Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ: Hồng Văn Thái, Email: hongvanthai00@gmail.com

## Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 19/9/2024; Ngày nhận chỉnh sửa: 06/12/2024; Ngày duyệt đăng: 16/12/2024

## Tóm tắt

Công nghệ thông tin có vai trò quan trọng trong các lĩnh vực của đời sống. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục là một xu thế. Đặc biệt các hoạt động và quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các nhà trường là một trong những hoạt động được chú trọng nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học. Thông qua phương pháp nghiên cứu của bài viết chủ yếu là điều tra khảo sát bằng phiếu hỏi và phỏng vấn, chúng tôi nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội theo tiếp cận nội dung ở các trường tiểu học huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Và trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng của nghiên cứu sẽ là cơ sở giúp các nhà trường đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở các trường tiểu học huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và các trường tiểu học nói chung nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học của môn học.

**Từ khoá:** Môn Tự nhiên và Xã hội, trường tiểu học, ứng dụng công nghệ thông tin.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1407>

Trích dẫn: Hồng, V. T., & Phạm, M. G. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở các trường tiểu học huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 85-95. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1407>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

**THE CURRENT SITUATION OF MANAGING  
THE APPLICATION OF INFORMATION TECHNOLOGY  
IN TEACHING NATURAL AND SOCIAL SCIENCE SUBJECTS  
AT PRIMARY SCHOOLS IN BINH CHANH DISTRICT,  
HO CHI MINH CITY**

**Hong Van Thai<sup>1,2\*</sup> and Pham Minh Gian<sup>3</sup>**

<sup>1</sup>*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

<sup>2</sup>*Tan Quy Tay Primary School, Ho Chi Minh City, Vietnam*

<sup>3</sup>*Faculty of Social Sciences Teacher Education, School of Education,  
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

*\*Corresponding author: Hong Van Thai, Email: hongvanthai00@gmail.com*

**Article history**

*Received: 19/9/2024; Received in revised form: 06/12/2024; Accepted: 16/12/2024*

**Abstract**

*Information technology plays an important role in various aspects of life. The application of information technology in education is a trend. In particular, activities and the management of information technology applications in teaching at schools is one of the focuses aimed at improving the quality and effectiveness of education. Through the surveys using questionnaires and interviews, we study the current state of managing the application of information technology in teaching the subject of Natural and Social Sciences in primary schools in Binh Chanh district, Ho Chi Minh City. Research results will serve as a foundation for schools to propose measures for improvements on the concerned task in this area as well as in primary schools in general, with the goal of improving the teaching quality of the subject.*

**Keywords:** *Information technology application, primary school, subject of Natural and Social Sciences.*

## 1. Đặt vấn đề

Môn Tự nhiên và Xã hội (TN-XH) được xây dựng và phát triển trên nền tảng tích hợp những kiến thức về thế giới TN-XH. Môn học trang bị cho học sinh (HS) một số hiểu biết cơ bản ban đầu về con người, về các sự vật, hiện tượng, về các mối quan hệ trong thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh và những kỹ năng học tập cơ bản như quan sát, nhận xét, nêu thắc mắc, đặt câu hỏi, tìm thông tin, xử lý thông tin và trình bày những ý tưởng khoa học đơn giản bằng nhiều hình thức khác nhau (nói, viết, vẽ, biểu đồ,...). Cùng với các môn học, hoạt động giáo dục khác, môn TN-XH đóng góp một phần quan trọng vào việc hình thành cho HS những phẩm chất và năng lực chung được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông và bước đầu hình thành cho HS năng lực khoa học. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018)

Mục tiêu của hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (UDCNTT) trong dạy học môn TN-XH ở trường tiểu học bao gồm: Nâng cao chất lượng dạy học: (1) UDCNTT giúp giáo viên (GV) tiếp cận với nhiều tài liệu, hình ảnh, video, và các công cụ hỗ trợ dạy học hiện đại. Điều này giúp nội dung bài giảng trở nên sinh động, dễ hiểu, từ đó nâng cao chất lượng dạy và học môn TN-XH; (2) Phát triển kỹ năng tự học và tư duy cho HS: Thông qua các hoạt động dạy học UDCNTT, HS có cơ hội tự tìm kiếm thông tin, khám phá kiến thức một cách chủ động. Điều này giúp phát triển khả năng tự học, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề; (3) Tăng cường sự tương tác và hứng thú học tập: Việc sử dụng các công cụ CNTT trong dạy học như bảng tương tác, phần mềm học tập hay các trò chơi giáo dục giúp HS tham gia vào bài học một cách tích cực hơn. Qua đó, HS trở nên hứng thú hơn với môn TN-XH.

Các trường tiểu học trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, bước đầu đã làm quen và thực hiện hoạt động UDCNTT trong dạy học nói chung và môn TN-XH nói riêng. Tuy nhiên, việc tổ chức quản lý các hoạt động dạy học ở trường còn gặp nhiều hạn chế. Trên cơ sở khảo sát đánh giá thực trạng quản lý tiếp cận theo các nội dung quản lý, để tìm ra những điểm mạnh, hạn chế cũng như nguyên nhân. Làm cơ sở đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động UDCNTT tin trong dạy học môn TN-XH ở các trường Tiểu học huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

## 2. Nội dung

### 2.1. Một số khái niệm cơ bản

#### 2.1.1. Công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin (CNTT) là một lĩnh vực bao gồm các phương tiện, công cụ và hệ thống dùng để thu thập, xử lý, lưu trữ và truyền tải thông tin dưới dạng kỹ thuật số. Công nghệ thông tin bao gồm các khía cạnh như phần cứng, phần mềm, mạng lưới, và các dịch vụ liên quan đến việc quản lý dữ liệu và thông tin. Mục tiêu của CNTT là hỗ trợ con người trong việc xử lý và quản lý thông tin một cách hiệu quả, tăng cường năng suất và tạo ra các giải pháp sáng tạo cho nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh doanh, giáo dục, y tế và giải trí. Theo *Luật Công nghệ thông tin* số 67/2006/QH11 ký vào ngày 29/06/2006: “CNTT là tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật hiện đại để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số” (Quốc hội, 2006).

Ứng dụng CNTT là việc sử dụng CNTT vào các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và các hoạt động khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của các hoạt động này (Quốc hội, 2006).

#### 2.1.2. Dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

Tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc và cộng sự cho rằng: “Dạy học là quá trình cộng tác giữa thầy và trò luôn tác động qua lại, bổ sung cho nhau để truyền đạt - điều khiển và lĩnh hội - tự điều khiển tri thức nhằm tạo cho người học khả năng phát triển trí tuệ, hoàn thiện nhân cách” (Nguyễn & cs., 2015). Tác giả Trần Hữu Trung quan niệm: “Dạy học là tập hợp các quá trình hoặc hệ thống hoạt động trong giáo dục nhằm thực hiện mục đích giáo dục (phát triển) con

người. Dạy học là con đường, công cụ cơ bản nhất, tất yếu để đào tạo và giáo dục. Dạy học có những chức năng cơ bản: Giáo dỡng (truyền thụ học vấn); tổ chức và thiết lập cấu trúc cho giáo dục và đào tạo”. (Trần, 2020).

Như vậy, dạy học là quá trình tương tác, kết hợp hài hòa giữa hoạt động chính yếu của GV và sự tự giác, tích cực, chủ động của HS, với mục tiêu chung là phát triển toàn diện con người.

Từ các khái niệm trên có thể hiểu: UDCNTT trong dạy học được hiểu là việc sử dụng các công cụ CNTT trong quá trình dạy học, nhằm trang bị cho người học những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, nhân sinh quan, và các phương pháp giải quyết vấn đề hiệu quả.

### *2.1.3. Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội*

Quản lý hoạt động UDCNTT trong dạy học môn TN-XH là quá trình tổ chức, điều hành và giám sát việc sử dụng các công cụ, thiết bị và phần mềm công nghệ trong dạy học và học tập các môn học thuộc lĩnh vực TN-XH. Mục tiêu của quá trình này là đảm bảo rằng việc UDCNTT được thực hiện hiệu quả, nhất quán và mang lại lợi ích tối đa cho cả GV và HS. Theo đó, việc quản lý hoạt động UDCNTT trong dạy học môn TN-XH đòi hỏi một sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhà quản lý giáo dục, GV, HS và các chuyên gia công nghệ để đảm bảo rằng công nghệ được sử dụng một cách hiệu quả và bền vững, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển toàn diện cho HS. (Trịnh & Võ, 2023).

## **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Khách thể khảo sát: 90 cán bộ quản lý (CBQL), 160 GV ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian khảo sát: Từ tháng 8/2024 đến tháng 10/2024. Tiến hành phỏng vấn sâu: tháng 9/2024.

Địa điểm khảo sát: Tác giả chọn 20/38 trường tiểu học như sau: Tiểu học Bình Hưng; Tiểu học Phạm Hùng; Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm; Tiểu học Phong Phú; Tiểu học Phong Phú 2; Tiểu học Lê Quý Đôn; Tiểu học Nguyễn Văn Trân; Tiểu học Qui Đức; Tiểu học Hưng Long; Tiểu học Rạch Giã; Tiểu học Tân Quý Tây; Tiểu học Tân Quý Tây 3; Tiểu học Bình Chánh; Tiểu học Trần Nhân Tôn; Tiểu học Kim Đồng; Tiểu học An Phú Tây; Tiểu học An Phú Tây 2; Tiểu học Tân Túc; Tiểu học Tân Túc 2; Tiểu học Tân Kiên trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thang đánh giá: Sử dụng thang đo 05 mức độ: 1,00 - 1,8: Mức độ 1; 1,81 - 2,60: Mức độ 2; 2,61 -> 3,40: Mức độ 3; 3,41 - 4,20: Mức độ 4; 4,21 - 5,00: Mức độ 5. Dữ liệu sẽ được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0 để tính toán thống kê, lập bảng, phân tích điểm trung bình (ĐTB); tỷ lệ phần trăm (%) và độ lệch chuẩn (ĐLC), từ đó đưa ra kết luận về các kết quả khảo sát. Đồng thời, kết hợp phương pháp phỏng vấn để bổ sung và làm rõ kết quả khảo sát định lượng, phục vụ cho việc phân tích, đánh giá thực trạng thực trạng quản lý hoạt động UDCNTT trong dạy học môn TN-XH ở các trường tiểu học trên địa bàn khảo sát. Kết quả khảo sát qua phiếu hỏi sẽ là cơ sở để xác định các vấn đề cần nghiên cứu sâu hơn và làm nền tảng cho việc thiết kế đề cương phỏng vấn.

## **2.3. Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở các trường tiểu học huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh**

### *2.3.1. Thực trạng nhận thức tầm quan trọng của quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở trường tiểu học huyện Bình Chánh*

Việc quản lý hiệu quả giúp đảm bảo rằng CNTT được sử dụng đúng cách và phù hợp với mục tiêu dạy học. Điều này giúp nâng cao chất lượng dạy học, làm cho bài học trở nên sinh động và dễ tiếp thu hơn cho HS.

**Bảng 1. Mức độ tầm quan trọng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở các trường tiểu học huyện Bình Chánh**

STT	Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Hoàn toàn không quan trọng	0	0,0
2	Không quan trọng	15	6,0
3	Ít quan trọng	134	53,6
4	Quan trọng	83	33,2
5	Rất quan trọng	18	7,2

Kết quả Bảng 1 tổng hợp ý kiến đánh giá về mức độ tầm quan trọng quản lý hoạt động UDCNTT trong dạy học môn TN-XH ở trường tiểu học, có nhiều ý kiến đánh giá đạt mức quan trọng và rất quan trọng chiếm tỷ lệ 40,2%. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có 53,6 % đánh giá ít quan trọng và cũng có 6% đánh giá không quan trọng. Như vậy, về nhận thức còn một bộ phận không nhỏ đội ngũ CBQL, GV xem nhẹ việc UDCNTT vào dạy học nói chung và môn TN-XH nói riêng.

Để làm rõ vấn đề này tác giả tiến hành lấy ý kiến CBQL1 về tầm quan trọng của quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn tự nhiên và xã hội ở trường tiểu học. CBQL 1 cho rằng: “UDCNTT có thể làm cho bài giảng trở nên sinh động, hấp dẫn và dễ hiểu hơn. Các công cụ công nghệ giúp GV truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả và tương tác với HS tốt hơn. Công nghệ thông tin không chỉ hỗ trợ học tập mà còn là kỹ năng thiết yếu cho tương lai của HS. Quản lý tốt hoạt động UDCNTT giúp HS phát triển kỹ năng công nghệ từ sớm. Cung cấp dữ liệu chính xác để cải tiến và điều chỉnh các phương pháp dạy học, đảm bảo rằng công nghệ được sử dụng một cách hiệu quả nhất.”

Như vậy, quản lý hoạt động UDCNTT trong dạy học môn TN-XH ở trường tiểu học không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục mà còn đảm bảo sự công bằng, hiệu quả và an toàn trong quá trình dạy học. Điều này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ từ phía nhà trường, GV, phụ huynh và các cơ quan quản lý giáo dục.

*2.3.2. Thực trạng quản lý mục tiêu hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở trường tiểu học huyện Bình Chánh*

**Bảng 2. Quản lý mục tiêu hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở các trường tiểu học huyện Bình Chánh**

TT	Mục tiêu	Kết quả					ĐTB	ĐLC	TB
		1	2	3	4	5			
1	Xác định mục tiêu cụ thể	0,0	6,4	14,0	52,0	27,6	3,41	0,58	1
2	Lập kế hoạch chi tiết	0,0	6,0	12,0	53,6	28,4	3,22	0,60	4
3	Đào tạo và phát triển năng lực	0,0	10,8	11,2	50,4	27,6	3,17	0,57	6
4	Triển khai và thực hiện	0,0	16,0	8,4	48,8	26,8	3,07	0,56	7
5	Giám sát và đánh giá	0,0	4,4	10,4	56,4	28,8	3,28	0,62	3
6	Điều chỉnh và cải tiến	0,0	6,8	10,4	56,0	26,8	3,20	0,61	5
7	Phát triển bền vững	0,0	8,0	13,6	51,6	26,8	3,28	0,58	2

Kết quả khảo sát Bảng 2 đạt ĐTB từ 3,07 đến 3,41 với độ lệch chuẩn dưới 1 đồng nghĩa với đội ngũ đánh giá quản lý mục tiêu hoạt động UDCNTT đạt mức trung bình. Nội dung “Xác định mục tiêu cụ thể”, đạt ĐTB 3,41, đạt mức 4 mức khá, đây là việc rất quan trọng, nếu xác định các mục tiêu cụ thể sẽ thực hiện triển khai đảm bảo các mục tiêu phù hợp; Nội dung “Triển

khai và thực hiện”, được đánh giá thấp đạt ĐTB 3,07 đạt mức 3, mức trung bình, trong quá trình triển khai thực hiện do nhận thức chưa đầy đủ dẫn đến kết quả thực hiện chưa cao.

Chúng tôi tiến hành lấy ý kiến CBQL 2 về kết quả đạt và nguyên nhân của kết quả quản lý mục tiêu hoạt động UDCNTT trong dạy học môn TN-XH ở trường tiểu học. CBQL2 cho rằng: “Các trường có phổ biến các mục tiêu giúp GV và HS hiểu rõ những gì cần đạt được khi UDCNTT vào dạy học. Tuy nhiên, các mục tiêu UDCNTT thường không được đặt ra một cách cụ thể, rõ ràng và có chiến lược. Điều này dẫn đến việc thực hiện không đồng bộ và thiếu hiệu quả. Cả GV và CBQL có thể thiếu nhận thức đầy đủ về lợi ích và tầm quan trọng của UDCNTT trong giáo dục. Thiếu kinh phí và nguồn lực cần thiết để đầu tư vào cơ sở hạ tầng và thiết bị công nghệ. Điều này làm giảm khả năng triển khai và duy trì UDCNTT.”

Nhìn chung, vấn đề cần đặt ra ở thực trạng quản lý mục tiêu là cần xác định mục tiêu cụ thể và việc triển khai thực hiện.

2.3.3. *Thực trạng quản lý nội dung hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở trường tiểu học huyện Bình Chánh*

**Bảng 3. Quản lý nội dung hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở các trường tiểu học huyện Bình Chánh**

TT	Mục tiêu	Kết quả					ĐTB	ĐLC	TB
		1	2	3	4	5			
1	Xây dựng và lựa chọn nội dung phù hợp	0,0	6,8	15,2	51,6	26,4	3,42	0,58	1
2	Thiết kế bài giảng	0,0	6,4	13,2	53,2	27,2	3,25	0,59	5
3	Tích hợp công nghệ vào bài học	0,0	11,2	12,4	50,0	26,4	3,19	0,56	6
4	Tạo kế hoạch dạy học chi tiết	0,0	15,2	10,8	48,4	25,6	3,13	0,55	7
5	Đào tạo và hỗ trợ GV	0,0	4,8	11,6	56,0	27,6	3,30	0,61	2
6	Quản lý và cập nhật nội dung	0,0	7,2	15,6	55,6	25,6	3,29	0,58	4
7	Tạo môi trường học tập tích cực	0,0	8,4	14,4	52,0	25,2	3,30	0,57	3
8	Đánh giá và phản hồi	0,0	14,0	12,0	48,4	25,6	3,12	0,55	8
9	Phát triển nội dung đa dạng và phong phú	0,0	14,4	12,4	47,6	25,6	3,10	0,55	9
10	Hợp tác và chia sẻ tài liệu	0,0	14,8	12,8	47,2	25,6	3,09	0,54	10

Kết quả Bảng 3 đạt ĐTB khảo sát từ 3,09 đến 3,42 với độ lệch chuẩn dưới 1 đồng nghĩa với đội ngũ đánh giá quản lý nội dung hoạt động UDCNTT đạt mức trung bình. Trong đó, nội dung “Xây dựng và lựa chọn nội dung phù hợp”, được đánh giá cao nhất, đạt ĐTB 3,42, đạt mức 4, mức khá, theo đó nếu hiệu trưởng xác định lựa chọn nội dung phù hợp thì việc triển khai sẽ tốt hơn; nội dung “Hợp tác và chia sẻ tài liệu”, được đánh giá thấp đạt ĐTB 3,09 đạt mức 3, mức trung bình, nội dung này chưa thực hiện tốt đến từ phí nguồn học liệu chưa phong phú dẫn đến việc chia sẻ khó khăn.

Tác giả tiến hành lấy ý kiến CBQL3 về kết quả và nguyên nhân của kết quả quản lý nội dung hoạt động UDCNTT trong dạy học môn TN-XH ở trường tiểu học. CBQL 3 cho rằng: “Cơ bản GV biết xác định và lựa chọn nội dung UDCNTT trong dạy học. Tuy nhiên không có kế hoạch cụ thể và chi tiết cho việc triển khai UDCNTT, dẫn đến việc thực hiện không đồng bộ và không hiệu quả. Nội dung số và tài liệu học tập chưa được phát triển đầy đủ hoặc không phù hợp với chương trình dạy học. GV thiếu kỹ năng và kiến thức cần thiết để phát triển và sử dụng nội dung số trong dạy học. Thiếu sự đồng bộ trong việc triển khai các nội dung UDCNTT giữa các lớp học và các trường học khác nhau, dẫn đến sự không nhất quán và không hiệu quả”.

2.3.4. *Thực trạng quản lý phương pháp hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở trường tiểu học huyện Bình Chánh*

**Bảng 4. Quản lý phương pháp hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở các trường tiểu học huyện Bình Chánh**

TT	Mục tiêu	Kết quả					ĐTB	ĐLC	TB
		1	2	3	4	5			
1	Xây dựng và phổ biến phương pháp dạy học	0,0	8,0	16,0	54,8	25,2	3,26	0,58	2
2	Đào tạo và phát triển chuyên môn cho GV	0,0	7,6	15,6	50,8	26,0	3,49	0,57	1
3	Lập kế hoạch dạy học	0,0	14,8	12,4	47,6	25,2	3,08	0,55	8
4	Tích hợp CNTT vào bài giảng	0,0	15,2	12,8	46,8	25,2	3,07	0,54	9
5	Tạo môi trường học tập tương tác	0,0	15,6	13,2	46,4	25,2	3,06	0,54	10
6	Đánh giá và phản hồi	0,0	9,2	14,0	52,0	24,8	3,24	0,57	3
7	Phát triển tài liệu và nguồn học liệu	0,0	7,2	13,6	52,4	26,8	3,21	0,58	5
8	Hỗ trợ kỹ thuật và cơ sở hạ tầng	0,0	12,0	12,8	49,2	26,0	3,16	0,56	6
9	Khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới	0,0	16,0	11,2	47,6	25,2	3,09	0,55	7
10	Theo dõi và cải tiến liên tục	0,0	5,6	12,0	55,2	27,2	3,22	0,61	4

Kết quả Bảng 4 đạt ĐTB khảo sát từ 3,06 đến 3,49 với độ lệch chuẩn dưới 1 đồng nghĩa với đội ngũ đánh giá quản lý phương pháp hoạt động UDCNTT đạt mức trung bình. Trong đó, “Đào tạo và phát triển chuyên môn cho GV”, được đánh giá cao nhất, đạt ĐTB 3,49, đạt mức 4 mức khá, nếu thực hiện việc bồi dưỡng thường xuyên sẽ thực hiện tốt nhiệm vụ UDCNTT trong dạy học hiệu quả; “Tạo môi trường học tập tương tác” được đánh giá thấp đạt ĐTB 3,06 đạt mức trung bình, nội dung chưa thực hiện tốt lý do cấp tiểu học thực hiện cùng lúc nhiều nhiệm vụ dẫn đến chưa tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ GV.

Về vấn đề này chúng tôi đã tiến hành lấy ý kiến CBQL4 về kết quả đạt được và nguyên nhân của kết quả quản lý phương pháp hoạt động UDCNTT trong dạy học môn TN-XH ở trường tiểu học. CBQL4 cho rằng: “Các trường có triển khai tập huấn phương pháp hoạt động UDCNTT trong dạy học. Tuy nhiên GV thiếu kỹ năng và kiến thức cần thiết để áp dụng các phương pháp UDCNTT trong dạy học một cách hiệu quả. Thiếu các tài liệu, học liệu và nguồn tài nguyên số chất lượng cao phù hợp với các phương pháp dạy học sử dụng công nghệ.”

2.3.5. *Thực trạng quản lý hình thức hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở trường tiểu học huyện Bình Chánh*

**Bảng 5. Quản lý hình thức hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở các trường tiểu học huyện Bình Chánh**

TT	Mục tiêu	Kết quả					ĐTB	ĐLC	TB
		1	2	3	4	5			
1	Xác định các hình thức hoạt động ứng dụng CNTT	0,0	6,4	11,2	55,2	27,2	3,24	0,61	3
2	Lập kế hoạch chi tiết	0,0	8,8	15,2	54,8	25,2	3,23	0,58	4

TT	Mục tiêu	Kết quả					ĐTB	ĐLC	TB
		1	2	3	4	5			
3	Đào tạo và phát triển kỹ năng cho GV	0,0	9,2	14,8	51,2	24,8	3,26	0,57	2
4	Tổ chức thực hiện các hình thức hoạt động	0,0	7,6	15,6	50,8	26,0	3,29	0,57	1
5	Giám sát và đánh giá	0,0	15,2	12,8	46,8	25,2	3,07	0,54	9
6	Điều chỉnh và cải tiến	0,0	14,8	12,4	47,6	25,2	3,08	0,55	8
7	Quản lý cơ sở hạ tầng và tài nguyên	0,0	7,2	13,6	52,4	26,8	3,21	0,58	5
8	Khuyến khích sáng tạo và đổi mới	0,0	12,0	12,8	49,2	26,0	3,16	0,56	6
9	Tạo môi trường học tập tích cực	0,0	16,0	11,2	47,6	25,2	3,09	0,55	7

Kết quả Bảng 5 đạt ĐTB khảo sát từ 3,07 đến 3,29 với độ lệch chuẩn dưới 1 đồng nghĩa với đội ngũ đánh giá quản lý hình thức hoạt động hoạt động UDCNTT đạt mức trung bình, cụ thể như sau: “Tổ chức thực hiện các hình thức hoạt động” được đánh giá cao nhất, đạt ĐTB 3,29, đạt mức 3 mức trung bình; “Giám sát và đánh giá” được đánh giá thấp đạt ĐTB 3,07 đạt mức 3, mức trung bình.

Chúng tôi lấy ý kiến CBQL5 về kết quả và nguyên nhân của kết quả quản lý hình thức hoạt động UDCNTT trong dạy học môn TN-XH ở trường tiểu học. CBQL5 cho rằng: “Thiếu kế hoạch và chiến lược cụ thể để áp dụng và quản lý các hình thức UDCNTT trong dạy học. Giáo viên thiếu kỹ năng và kiến thức để sử dụng các hình thức UDCNTT một cách hiệu quả trong dạy học. Thiếu các nội dung số phù hợp và chất lượng cao để áp dụng trong dạy học. Thiếu cơ chế đánh giá và phản hồi liên tục về hiệu quả của các hình thức UDCNTT.”

*2.3.6. Thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở trường tiểu học huyện Bình Chánh*

**Bảng 6. Quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở các trường tiểu học huyện Bình Chánh**

TT	Mục tiêu	Mức độ					ĐTB	ĐLC	TB
		1	2	3	4	5			
1	Xác định mục tiêu đánh giá	0,0	8,4	16,0	50,0	25,6	3,25	0,56	1
2	Chọn phương pháp đánh giá phù hợp	0,0	8,0	14,0	51,6	26,4	3,18	0,57	3
3	Lập kế hoạch đánh giá	0,0	12,8	13,2	48,4	25,6	3,12	0,55	4
4	Đánh giá theo nhiều chiều	0,0	16,8	11,6	46,8	24,8	3,06	0,54	5
5	Thu thập và phân tích kết quả đánh giá	0,0	10,0	14,4	51,2	24,4	3,21	0,57	2
6	Cung cấp phản hồi và điều chỉnh	0,0	15,6	12,8	46,8	24,8	3,04	0,54	6
7	Liên tục cập nhật và cải tiến	0,0	16,0	13,2	46,0	24,8	3,03	0,54	7
8	Hỗ trợ và đào tạo GV	0,0	16,4	13,6	45,6	24,8	3,02	0,53	8

Kết quả Bảng 6 đạt ĐTB khảo sát từ 3,02 đến 3,25 với độ lệch chuẩn dưới 1 đồng nghĩa với đội ngũ đánh giá quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động UDCNTT đạt mức trung bình, cụ thể



như sau: “Xác định mục tiêu đánh giá”, được đánh giá cao nhất, đạt ĐTB 3,25, đạt mức trung bình; “Hỗ trợ và đào tạo GV” được đánh giá thấp đạt ĐTB 3,02 đạt mức trung bình.

Chúng tôi lấy ý kiến CBQL 6 về kết quả đạt được và nguyên nhân của kết quả về quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động UDCNTT trong dạy học môn TN-XH ở các trường tiểu học. CBQL 6 cho rằng: “Thiếu các phương pháp đánh giá thích hợp để đo lường hiệu quả của các hoạt động UDCNTT. Các hoạt động đánh giá không được tích hợp và liên kết chặt chẽ với nhau, dẫn đến sự không nhất quán trong việc đánh giá hiệu quả của UDCNTT. Thiếu các công cụ và nền tảng hỗ trợ đánh giá hiệu quả cho các hoạt động UDCNTT.”

2.3.7. *Thực trạng quản lý cơ sở hạ tầng thiết bị dạy học phục vụ cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở trường tiểu học huyện Bình Chánh*

**Bảng 7. Quản lý cơ sở hạ tầng thiết bị dạy học phục vụ cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở các trường tiểu học huyện Bình Chánh**

TT	Mục tiêu	Kết quả					ĐTB	ĐLC	TB
		1	2	3	4	5			
1	Xác định nhu cầu và lập kế hoạch	0,0	7,6	15,6	50,8	26,0	3,29	0,57	1
2	Bảo trì và quản lý thiết bị	0,0	15,2	12,8	46,8	25,2	3,07	0,54	6
3	Bảo mật và bảo vệ dữ liệu	0,0	14,8	12,4	47,6	25,2	3,08	0,55	5
4	Cập nhật công nghệ và nâng cấp	0,0	7,2	13,6	52,4	26,8	3,21	0,58	2
5	Đảm bảo khả năng kết nối mạng	0,0	12,0	12,8	49,2	26,0	3,16	0,56	3
6	Điều phối và quản lý tài nguyên	0,0	16,0	11,2	47,6	25,2	3,09	0,55	4

Kết quả Bảng 7 đạt ĐTB khảo sát từ 3,07 đến 3,29 với độ lệch chuẩn dưới 1 đồng nghĩa với đội ngũ đánh giá quản lý cơ sở hạ tầng thiết bị dạy học phục vụ cho hoạt động UDCNTT đạt mức trung bình, trong đó “Xác định nhu cầu và lập kế hoạch”, được đánh giá cao nhất, đạt ĐTB 3,29, đạt mức 3 mức trung bình; “Bảo trì và quản lý thiết bị”, được đánh giá thấp đạt ĐTB 3,07 đạt mức 3, mức trung bình.

Về vấn đề này chúng tôi cũng đã tiến hành lấy ý kiến CBQL7 về kết quả đạt được và nguyên nhân của kết quả quản lý cơ sở hạ tầng thiết bị dạy học phục vụ cho hoạt động UDCNTT trong dạy học. CBQL7 cho rằng: “Thiếu nguồn lực tài chính để đầu tư vào cơ sở hạ tầng và thiết bị công nghệ. Các trường học chưa cập nhật nhanh chóng với các tiến bộ công nghệ mới nhất. Thiếu kết nối internet ổn định và cơ sở hạ tầng mạng phù hợp để hỗ trợ việc triển khai UDCNTT. Thiếu các quy trình và chính sách quản lý, bảo trì thiết bị để đảm bảo sự hoạt động liên tục và hiệu quả”.

#### **2.4. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Môn tự nhiên và Xã hội ở trường tiểu học huyện Bình Chánh**

##### *2.4.1. Ưu điểm*

Đa số CBQL, GV và HS các trường tiểu học *nhận thức rõ tầm quan trọng* của việc UDCNTT, việc sử dụng công nghệ trong dạy học sẽ diễn ra có kế hoạch, khoa học và hiệu quả hơn, giúp cải thiện chất lượng dạy học và học tập môn TN-XH. Các trường tiểu học đã: *Phổ biến các mục tiêu* giúp GV và HS hiểu rõ những gì cần đạt được khi UDCNTT vào dạy học; từ đó GV có thể lựa chọn các phương pháp và công cụ phù hợp để đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra; *Triển khai nội dung* giúp đảm bảo các kiến thức được đưa vào dạy học là chính xác, khoa học và phù hợp với chương trình giáo dục. Điều này đảm bảo rằng HS nhận được thông tin

đúng đắn, phù hợp với lứa tuổi và mục tiêu giáo dục; *Triển khai tập huấn phương pháp UDCNTT* giúp GV tối ưu hóa việc sử dụng các công cụ và phần mềm, giúp quá trình dạy học trở nên trực quan và sinh động hơn. Điều này nâng cao khả năng tiếp thu kiến thức của HS thông qua các phương pháp dạy học sáng tạo và hiệu quả; *Tổ chức hướng dẫn các hình thức UDCNTT* giúp nhà trường và GV *triển khai nhiều phương pháp dạy học khác nhau* như bài giảng điện tử, video tương tác, trò chơi giáo dục, học trực tuyến, giúp làm phong phú và đa dạng hóa quá trình dạy học. *Triển khai quy trình kiểm tra, đánh giá* giúp đảm bảo sự khách quan và chính xác trong việc đo lường hiệu quả UDCNTT trong dạy học. Việc sử dụng các công cụ kỹ thuật số giúp thu thập dữ liệu học tập của HS một cách minh bạch, từ đó phản ánh chính xác kết quả học tập. Các trường đã được đầu tư cơ sở hạ tầng tương đối đầy đủ, đảm bảo các thiết bị CNTT như máy tính, máy chiếu, bảng thông minh, và hệ thống mạng

#### 2.4.2. Hạn chế

Một bộ phận GV và CBQL chưa hiểu rõ vai trò quan trọng của việc ứng dụng và quản lý CNTT, họ có thể sử dụng công nghệ một cách không hiệu quả, dẫn đến lãng phí tài nguyên hoặc không đạt được mục tiêu giáo dục mong đợi.

Các trường đề xuất một số mục tiêu không phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, đặc biệt là ở những khu vực thiếu thốn cơ sở hạ tầng CNTT hoặc nguồn lực GV chưa được đào tạo đầy đủ về kỹ năng công nghệ. Một số GV chưa được cung cấp nguồn tài liệu một cách đầy đủ, dẫn đến sự không đồng đều trong nội dung dạy học giữa các lớp học, trường học. Điều này có thể làm giảm hiệu quả của việc quản lý và UDCNTT trong dạy học môn TN-XH. Một số GV chưa được đào tạo đồng đều về cách UDCNTT, dẫn đến sự khác biệt trong việc triển khai các phương pháp dạy học. Điều này có thể gây ra tình trạng không đồng bộ giữa các lớp học hoặc giữa các trường trong việc áp dụng CNTT vào dạy học. Ở nhiều trường tiểu học, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn hoặc vùng khó khăn, cơ sở hạ tầng CNTT như máy tính, máy chiếu, internet chưa được trang bị đầy đủ. Điều này gây cản trở cho việc triển khai các hình thức dạy học dựa trên CNTT. Nhiều GV chưa được đào tạo đầy đủ về kỹ năng sử dụng CNTT để quản lý và thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá. Điều này dẫn đến việc triển khai các công cụ đánh giá không hiệu quả, thiếu sự đa dạng trong phương pháp kiểm tra. Nhiều trường học, đặc biệt ở các khu vực nông thôn hoặc vùng khó khăn, không có đủ kinh phí để đầu tư vào cơ sở hạ tầng CNTT. Điều này dẫn đến việc thiếu thiết bị dạy học, hệ thống mạng kém chất lượng, hoặc thiết bị đã cũ và lỗi thời, gây khó khăn cho quá trình quản lý và triển khai CNTT trong dạy học.

#### 2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Nhiều GV và CBQL chưa được đào tạo bài bản về UDCNTT trong dạy học. Các khóa học bồi dưỡng về công nghệ và phương pháp quản lý hoạt động CNTT thường chưa được tổ chức thường xuyên chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn, dẫn đến nhận thức hạn chế về vai trò của công nghệ trong dạy học. Ở nhiều trường, đặc biệt là các khu vực nông thôn hoặc vùng khó khăn, cơ sở hạ tầng CNTT còn thiếu thốn hoặc không đáp ứng đủ yêu cầu để thực hiện các mục tiêu đề ra. Điều này gây khó khăn trong việc UDCNTT một cách hiệu quả và đồng bộ. Nhiều trường tiểu học, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn hoặc vùng khó khăn, chưa được trang bị đầy đủ cơ sở hạ tầng CNTT như máy tính, kết nối Internet và phần mềm giáo dục. Điều này gây khó khăn trong việc triển khai và quản lý nội dung dạy học UDCNTT. Ở nhiều trường, thiếu nhân viên hỗ trợ kỹ thuật chưa có bộ phận chuyên trách để giúp đỡ GV trong việc sử dụng CNTT. Điều này khiến GV gặp khó khăn trong quá trình triển khai phương pháp dạy học mới, và quá trình quản lý bị chậm trễ.

Việc thiếu nhân viên kỹ thuật hoặc đội ngũ hỗ trợ chuyên trách trong các trường học khiến GV không có sự hỗ trợ kịp thời khi gặp phải các vấn đề về công nghệ. Điều này làm giảm hiệu quả quản lý hình thức dạy học UDCNTT và gây gián đoạn trong quá trình dạy học. Ở một số trường học, đặc biệt là vùng nông thôn hoặc khu vực khó khăn, cơ sở hạ tầng CNTT như máy tính, phần mềm, Internet chưa được đầu tư đầy đủ. Điều này khiến cho quá trình kiểm tra, đánh giá qua CNTT gặp nhiều trở ngại, ảnh hưởng đến khả năng thực hiện và đánh giá chính xác kết

quả học tập của HS. Nhiều trường học, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn, không có đủ nguồn ngân sách để đầu tư mua sắm, nâng cấp, và bảo trì các thiết bị CNTT. Việc thiếu kinh phí dẫn đến thiết bị lỗi thời, hỏng hóc chưa đáp ứng nhu cầu dạy học.

### 3. Kết luận

CNTT có vai trò rất quan trọng trong các lĩnh vực của đời sống. Việc UDCNTT trong dạy học góp phần tạo ra một sự chuyển biến tích cực về chất lượng. Đặc biệt với cấp tiểu học và môn học TN-XH sẽ tạo cho HS sự thích thú trong học tập. Điều đó đòi hỏi các cấp quản lý mà cụ thể trong nhà trường là hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn và ngay cả mỗi GV và HS cần có sự nỗ lực và tập trung đầu tư, nghiên cứu, học tập, ứng dụng.

Trên cơ sở nghiên cứu một số khái niệm liên quan về quản lý hoạt động UDCNTT ở trường tiểu học; chúng tôi đã khảo sát về thực trạng quản lý hoạt động UDCNTT trong dạy học môn TN-XH theo tiếp cận nội dung ở các trường tiểu học, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Dựa trên các kết quả phân tích, đánh giá thực trạng đã đưa ra được những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế về thực trạng. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở giúp các nhà quản lý giáo dục đưa ra các biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động UDCNTT trong dạy học môn TN-XH. ở các trường tiểu học huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

### Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Công văn 4771/BGDĐT-CNTT năm 2023 hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học*. Hà Nội.
- Nguyễn, T. M. L. & cs. (2015). *Quản lý giáo dục. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: NXB Văn hóa - Thông tin.
- Trịnh, H. N., & Võ, N. D. (2023). Biện pháp quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường trung học phổ thông tỉnh Bình Định. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 33, 8-12. <https://doi.org/10.52714/dthu.33.8.2018.600>.
- Quốc hội. (2006). *Luật số 67/2006/QH11, ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật Công nghệ thông tin*.
- Trần, H. T. (2020). Biện pháp quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Mỹ thuật ở các trường Tiểu học huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Khoa học - Đại học Đồng Nai, số 19-2020*, 18-24.